

Tác động của lạm phát và thuế thu nhập doanh nghiệp tới lãi vay

PGS. TS Vũ Công Ty
Trưởng khoa

Lạm phát có ảnh hưởng lớn đến lãi suất vì lạm phát làm giảm sức mua tiền tệ và mức hoàn vốn đầu tư. Để tính được lãi suất thực mà doanh nghiệp hiện đang phải gánh chịu, trước hết phải phân biệt tài sản và vốn. Tài sản là hiện vật của vốn, còn vốn là giá trị của tài sản. Khi doanh nghiệp đi vay vốn của ngân hàng, tức là doanh nghiệp đi mua quyền sử dụng vốn, còn quyền sở hữu vốn vẫn thuộc người cho vay. Doanh nghiệp dùng quyền sử dụng vốn để đầu tư hình thành tài sản, và doanh nghiệp là người có quyền sử dụng và sở hữu tài sản hình thành bằng vốn vay.

Sau nữa chúng ta phân biệt lạm phát và trượt giá: Tài sản bị trượt giá còn vốn bị lạm phát. Nguyên nhân làm cho tài sản bị trượt giá là vì vốn bị lạm phát, bởi lẽ: vốn được đo lường bằng hình thái tiền tệ, mà tiền tệ có chức năng thước đo giá trị. Khi nền kinh tế có lạm phát, thước đo giá trị “dài” ra, biểu hiện ở chỗ chúng ta phải sử dụng một lượng tiền nhiều hơn để mua một tài sản như cũ. Khi phải dùng một lượng tiền nhiều hơn để mua một tài sản như cũ thì gọi là trượt giá. Do vậy, khi lạm phát xảy ra, đồng tiền bị mất giá thì người cho vay gánh chịu (vì người cho vay có quyền sở hữu vốn). Nhưng khi lạm phát xảy ra dẫn tới tài sản trượt giá thì doanh nghiệp được hưởng (vì doanh nghiệp có quyền sở hữu tài sản). Vì vậy phải tính ra mối quan hệ giữa lãi suất vay và tỷ lệ lạm phát để đảm bảo quyền

lợi của người cho vay.

Mối quan hệ này trên thực tế rất phức tạp. Khi chúng ta tiết kiệm tiền, chúng ta đã tự nguyện từ bỏ cơ hội tiêu dùng hàng hóa hôm nay để tiêu dùng nhiều hơn trong tương lai. Để minh họa chúng ta giả sử rằng chúng ta có 100 VNĐ. Nếu đầu năm giá gạo là 1VNĐ/Kg thì chúng ta mua được 100VNĐ:1VNĐ/Kg = 100 Kg gạo. Nhưng chúng ta dành tiêu dùng hôm nay bằng cách gửi tiết kiệm với lãi suất 3%/năm. Sau một năm chúng ta thu được 103VNĐ, bao gồm 100VNĐ tiền gốc và 3VNĐ tiền lãi. Với hy vọng được tiêu dùng nhiều hơn (103 kg gạo), và cũng giả sử rằng tỷ lệ lạm phát trong năm là 5%. Nhưng vào cuối năm, do lạm phát, giá gạo bị trượt lên là 1.05VNĐ/1 kg. Khi đó cả gốc và lãi chúng

ta chỉ mua được: 98,1 kg gạo (103VNĐ: 1.05VNĐ/kg). Như vậy do tốc độ lạm phát làm chúng ta nghèo đi chứ không phải giàu lên. Để đảm bảo mua được 103 kg gạo phải có tổng thu nhập là $103 \times 1.05 = 108,15\text{VNĐ}$. Nói cách khác nếu chúng ta cho vay 100 VNĐ thì phải thu về khoản lãi là 8.15VNĐ (lãi suất 8,15%) để đạt được lãi suất thực 3%/năm. Lãi suất 8.15% được xác định như sau :

$$8.5\% = 3\% + 5\% + 3\% \times 5\%.$$

(trong đó $3\% \times 5\%$ được gọi là tác động chéo)

Nếu gọi r là lãi suất danh nghĩa

r^* là lãi suất thực (giá sử không tính tới rủi ro vỡ nợ, rủi ro thanh khoản, rủi ro đáo hạn)

k là tỷ lệ lạm phát

Ta có mối quan hệ giữa lãi

suất danh nghĩa, lãi suất thực và tỷ lệ lạm phát như sau:

$$(1+r) = (1+r^*)(1+k)$$

Do vậy nếu doanh nghiệp hiện nay đi vay với lãi suất danh nghĩa là 14%/năm, trong khi tỷ lệ lạm phát được nhà nước duy trì ở mức 7%/năm thì lãi suất thực mà doanh nghiệp phải trả là

$$(1+14\%) = (1+r^*)(1+7\%)$$

$$r^* = 6,54\% / \text{năm}$$

Nhưng chi phí lãi vay là chi phí được khấu trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Nếu gọi t% là thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp thì lãi suất thực sau thuế tính theo công thức :

$$r^*(\text{sau thuế}) = r^* (1 - t\%)$$

Do vậy nếu doanh nghiệp phải trả lãi suất thực trước

thuế 6.54%/năm thì lãi suất thực sau thuế là :

$$r^*(\text{sau thuế}) = 6.54\% (1 - 25\%) = 4.9\% / \text{năm}$$

Qua phân tích có thể nhận thấy vốn vay được chia làm hai phần và có tác động khác nhau đối với doanh nghiệp. Vốn gốc che lạm phát (nếu nền kinh tế có lạm phát), còn vốn lãi che thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị... (Tiếp theo trang 60)

thiết kế số lượng sổ cũng không giống nhau.

Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán quản trị

Để giúp các nhà quản trị thực hiện chức năng kiểm soát, các kế toán viên phải dùng các số liệu chi tiết về chi phí, doanh thu và kết quả đã phản ánh trên các sổ kế toán có liên quan để soạn thảo các báo cáo kế toán quản trị (Báo cáo thực hiện)

Trong báo cáo kế toán quản trị vừa phải trình bày các thông tin thực hiện, vừa phải trình bày những thông tin về dự toán (kế hoạch) tương ứng để đảm bảo so sánh những kết quả thực tế đạt được với dự toán, các báo cáo kế toán quản trị cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Các thông tin trên báo cáo phải được phân chia thành các chỉ tiêu phù hợp với các tiêu chuẩn đánh giá thông tin trong mỗi tình huống quyết định khác nhau.

+ Các chỉ tiêu trong báo cáo phải quan hệ chặt chẽ và logic với nhau

+ Các số liệu thực tế, dự toán, định mức hoặc các mục tiêu định trước trong báo cáo phải so sánh được với nhau để giúp các nhà quản trị doanh nghiệp sử dụng thông tin thực hiện chức năng kiểm soát hoạt động.

+ Hình thức kết cấu báo cáo cần đa dạng, linh hoạt tùy thuộc vào tiêu chuẩn đánh giá thông tin trong mỗi báo cáo phục vụ cho từng tình huống cụ thể:

+ Các chỉ tiêu trong báo cáo thực hiện nên được phân bổ theo khu vực, địa điểm, thời gian, bộ phận, theo nhóm sản phẩm...

Thực tế hoạt động của các doanh nghiệp cho thấy, một số chỉ phí không thay đổi khi khối lượng hoạt động của doanh nghiệp thay đổi nhưng một số chi phí lại thay đổi khi khối lượng hoạt động thay đổi. Kế toán quản trị khi cung cấp các thông tin về chi phí (kể cả thông tin thực hiện và thông tin dự báo) cần phải phân biệt được định phí và biến phí. Để có được thông tin này cần có mẫu báo cáo chi phí kinh doanh và báo cáo kết quả kinh doanh phù hợp.